

CÔNG TY CỔ PHẦN K-DECO VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN K-DECO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: K-DECO VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: K-DECO VN .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109159366

3. Ngày thành lập: 17/04/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 25 - TT2 Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0843786999

Fax:

Email: ceo.kdeco@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà để ở	4101
2.	Xây dựng nhà không để ở	4102
3.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
4.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
5.	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 110kv - Xây dựng mạng lưới đường dây truyền tải, phân phối điện và các công trình, cấu trúc có liên quan như: + Đường dây, mạng lưới truyền tải điện với khoảng cách dài. + Đường dây, mạng lưới truyền tải điện, đường cáp điện ngầm và các công trình phụ trợ ở thành phố. + Trạm biến áp.	4221
6.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây dựng đường ống và hệ thống đường nước như: + Hệ thống thủy lợi (kênh). + Hồ chứa. - Xây dựng các công trình cửa: + Hệ thống thoát nước thải, bao gồm cả sửa chữa. + Nhà máy xử lý nước thải. + Trạm bơm.	4222

7.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc Chi tiết: - Xây dựng các mạng lưới cáp viễn thông, thông tin liên lạc và các công trình, cấu trúc có liên quan: + Các tuyến cáp, mạng lưới viễn thông. + Các tuyến cột, tuyến cống, bể để kéo cáp thông tin và các công trình phụ trợ. - Xây dựng công trình đài, trạm thu phát sóng truyền thanh, truyền hình và các công trình có liên quan.	4223
8.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn. - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.	4229
9.	Xây dựng công trình thủy	4291
10.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
11.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
12.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
13.	Phá dỡ	4311
14.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
16.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
17.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng ; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
18.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
19.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
20.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
21.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
22.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
23.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
24.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110

25.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: - Vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; - Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống; - Vệ sinh bể bơi hoặc bảo dưỡng; - Vệ sinh máy móc công nghiệp; - Vệ sinh tàu hỏa, xe buýt máy bay...; - Vệ sinh đường xá; - Dịch vụ tẩy uế và tiệt trùng; - Quét đường	8129
26.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
27.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
28.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
29.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn về môi trường; - Tư vấn về công nghệ; - Dịch vụ chuyển giao công nghệ	7490

30.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Lập quy hoạch xây dựng - Quản lý thi công xây dựng công trình: Quản lý chất lượng xây dựng công trình; Quản lý tiến độ xây dựng thi công xây dựng công trình; Quản lý khối lượng thi công xây dựng công trình; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng trong quá trình thi công xây dựng; Quản lý hợp đồng xây dựng; Quản lý an toàn lao động, môi trường xây dựng. - Khảo sát xây dựng: Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình - Giám sát thi công xây dựng: Giám sát công tác xây dựng: - Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật, - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông, - Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Tư vấn quản lý dự án - Kiểm định xây dựng - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng - Tư vấn đấu thầu (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong xây dựng) - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng - Tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp - Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp Hoạt động kiến trúc: Việc cung cấp các dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ phác thảo, dịch vụ kiểm định xây dựng như: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. - Giám sát thi công xây dựng cơ bản.	7110(Chính)
31.	Cura, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
32.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
33.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623

34.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
35.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
36.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
37.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
38.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác, gồm: Bán lẻ nhiều loại hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng bách hóa (trừ siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi), bán nhiều loại hàng hóa: Quần áo, giày dép, đồ dùng gia đình, hàng ngũ kim, lương thực, thực phẩm, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác	4719
39.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Hoạt động Thương mại điện tử;	4791
40.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
41.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn thóc, lúa mỳ, ngô, hạt ngũ cốc khác; - Bán buôn hạt, quả có dầu; - Bán buôn hoa và cây; - Bán buôn thuốc lá lá; - Bán buôn động vật sống; - Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu khác, phế liệu, phế thải và sản phẩm phụ được sử dụng cho chăn nuôi động vật. (Trừ loại Nhà nước cấm);	4620
42.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; Bán buôn xi măng; Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; Bán buôn sơn và véc ni; Bán buôn vật liệu xây dựng; Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; Bán buôn kính phẳng; Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn bình đun nước nóng; Bán buôn thiết bị vệ sinh; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh; Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663

43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn thiết bị, vật tư tiêu hao trong ngành điện, ngành luyện kim và các ngành công nghiệp - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;	4659
44.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ y tế : bông, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...; - Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: máy đo huyết áp, máy trợ thính... - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ, hàng lưu niệm	4649
45.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
46.	Bán buôn tổng hợp	4690
47.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Đồ ngũ kim; - Sơn, véc ni và sơn bóng; - Kính phẳng; - Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh; - Thiết bị và vật liệu để tự làm. Nhóm này cũng gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Máy cắt cỏ; - Phòng tắm hơi.	4752
48.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
49.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh; (Trừ loại Nhà nước cấm);	4773
50.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392

51.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác Chi tiết: - Sản xuất bộ đồ ăn bằng sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh; - Sản xuất các tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng gốm khác; - Sản xuất các sản phẩm cách điện và các đồ đặc cố định trong nhà cách điện bằng gốm; - Sản xuất các sản phẩm trong phòng thí nghiệm, hoá học và các sản phẩm công nghiệp; - Sản xuất chai, lọ, bình và các vật dụng tương tự cùng một loại được sử dụng cho việc vận chuyển và đóng gói hàng hoá; - Sản xuất đồ nội thất bằng gốm;	2393
52.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
53.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
54.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
55.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như : + Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, - Sản xuất bàn chải giày, quần áo;	3290
56.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
57.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
58.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
59.	Đại lý du lịch	7911
60.	Điều hành tua du lịch	7912
61.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
62.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5510
63.	Cơ sở lưu trú khác	5590
64.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
65.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
66.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
67.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619

68.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản Dịch vụ môi giới bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản, (Trừ hoạt động đấu giá)	6820
69.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Vận tải hành khách bằng xe máy	4931
70.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng. Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô.	4932
71.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;	4933
72.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh kho bãi)	5210
73.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
74.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí, thiết kế nội ngoại thất	7410
75.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; - Cho thuê thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn; thiết bị đo lường và điều khiển	7730
76.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ nhận ủy thác xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa. - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh. (Trừ hoạt động đấu giá)	8299

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN PHẠM HÀ	P303 nhà G1 Khu 7,2ha, Phố Vĩnh Phúc, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	40,000	0330780000 02	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	40,000		
2	NGUYỄN THẾ SƠN	P303 nhà G1 Khu 7,2ha, Phố Vĩnh Phúc, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	20,000	013133794	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	20,000		

3	HÀ NAM NINH	Số nhà 56, Ngõ 16 Đường Phạm Huy Quang, Phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	40,000	152139051	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HÀ NAM NINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 01/02/1957

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 152139051

Ngày cấp: 14/09/2011

Nơi cấp: Công an Tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 56, Ngõ 16 Đường Phạm Huy Quang, Phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P2020 tòa nhà HH2 Khu ĐT Linh Đàm, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội